

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh, bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 139/2023/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Mai Văn D**, sinh năm 2004, nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ H, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mai Văn H** và bà **Nguyễn Thanh T** (đều đã chết); bị cáo là con duy nhất; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2023 đến nay.

2. **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1977, nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn D2** và bà **Phan Thị T1** (đều đã chết); vợ là **Lê Thị Trúc M**; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2010; bị cáo là con duy nhất; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2023 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D1: Ông Huỳnh Tấn D3 – Luật sư Công ty L chi nhánh P1, có mặt.

Bị hại: Ngô Thanh P, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Trúc M, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng: Phan Thành N, sinh năm 1998, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Mai Văn D và bị hại Ngô Thanh P đều đang đi làm thuê, D làm thuê cho nhà trọ Cát T2 do Phan Thành Nghĩa là chủ, liền kề với nhà trọ Mai D4 - là nhà trọ do bị cáo Nguyễn Văn D1 thuê lại của người khác để kinh doanh và P là người làm thuê cho nhà trọ Mai D4 thuộc khu vực Miếu B, thành phố C, cả hai nhà trọ Cát T2 và Mai D4 có kinh doanh mua bán hàng hóa, đồ cúng cho khách hành hương, du lịch đến viếng Bà.

Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 28/4/2022, bị cáo D và P xảy ra mâu thuẫn, cự cãi trong việc chào mời khách mua hàng. D lấy dụng cụ hốt rác bằng kim loại, có tay cầm dài 79cm đánh P một cái trúng lưng, P bỏ chạy, D đuổi theo khoảng 30m thì P dừng lại nhặt 01 thanh kim loại cán dài 102 cm, đường kính 03cm đánh nhau với D nhưng không trúng, không gây thương tích cho nhau. Lúc này bị cáo D4 (chủ nhà trọ Mai D4) cầm khúc gỗ dài 62cm chạy đến, nghĩ D4 bên vực P, đánh D nên D bỏ chạy, bị trượt té xuống đường xây sát bả vai phải, được Phan Thành N (chủ nhà trọ Cát T2) và mọi người can ngăn đưa D về nhà trọ Cát T2. P và D4 đi phía sau, D4 cầm khúc gỗ vừa đánh nhẹ vào đầu D 01 cái vừa nói “Mày nhỏ mà hung hãn” nhưng không gây thương tích, được N can ngăn, D đi về nhà trọ Cát T2, còn D4 mang khúc gỗ về để ở kệ trưng bày hàng hóa phía trước nhà trọ của D4.

Sau đó, phát hiện dép bị rơi trước nhà trọ Mai D4 nên D qua nhà trọ Mai D4 lấy dép, nhưng sợ bị đánh, D lấy 01 cây dao cán gỗ dài 11,5 cm, lưỡi kim loại dài 11,5cm sắc bén một cạnh, mũi nhọn, giấu trong người phòng thân, đi qua nhà trọ M1 nhặt dép, khi đến bị D4 chửi và xông đến giơ tay đánh, D lấy dao quơ về phía D4 nhưng không trúng D4, D4 kêu M (vợ D4) đưa khúc gỗ D4 để ở kệ trưng bày hàng hóa, D bỏ chạy, khoảng 10m thì dừng lại, D4 chạy đến, tay phải cầm khúc gỗ, đứng đối diện, cách D khoảng 01m, quơ đánh Dung trúng vùng bên dưới đùi tai trái của D. D dùng tay trái đẩy khúc gỗ làm D4 té xuống đường. D xông đến, tay

phải cầm dao đâm liên tục trúng 05 nhát vào lưng, tay và chân D4, làm rơi dao, D bị chân của D4 đạp trúng, té ngã xuống đường, sây sát 02 gôi. Thấy D4 bị đánh, P cầm thanh kim loại chạy đến đánh D 01 cái trúng chân, không gây thương tích. D4 đứng dậy, tiếp tục xông đến để đánh D, được mọi người can ngăn, đưa D4, D đến Bệnh viện điều trị thương tích, trình báo cơ quan Công an, thu giữ vật chứng.

Căn cứ các Kết luận giám định pháp y về thương tích số 356/22/TgT ngày 20/6/2022, số 212/22/TgT ngày 03/7/2022, số 357/22/TgT ngày 03/10/2022 của Trung tâm pháp y, Sở Y, ghi nhận:

- Nguyễn Văn D1, dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vùng lưng trái, hơi xiên, hồng, phẳng, kích thước (1.2 × 0.3)cm, tỷ lệ 01%; Sẹo vùng lưng phải, hồng, phẳng, kích thước (0.5 × 0.3)cm, tỷ lệ 01%; Sẹo mặt sau ngoài 1/3 giữa cánh tay phải, ngang, hồng, phẳng, kích thước (01 × 0.2)cm, tổn thương bán phần thần kinh quay, đã phẫu thuật khâu nối vi phẫu thần kinh quay, tỷ lệ 31%; Sẹo mặt trước ngoài khuỷu tay phải, hơi xiên, hồng, lồi, kích thước (1.5 × 0.2)cm (sẹo được mở rộng phía trên đứng dọc kích thước (06 × 0.4)cm, sẹo được mở mở rộng đầu dưới, kích thước (03 × 0.3) cm, tỷ lệ 02%; Sẹo mặt ngoài gôi trái, hơi xiên, hồng, lồi, kích thước (1.5 × 0.3)cm, tỷ lệ 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 34% (do vật sắc nhọn gây nên).

- Mai Văn D, dấu hiệu chính qua giám định: Sưng nề vùng cằm không tồn tại thương tích, tỷ lệ 00%; Sẹo cằm trái (2.2 × 0.3)cm, lồi, sậm màu, nứt sọ thái dương trái, tỷ lệ 11%; Sây sát dạng mảng bả vai phải để lại vết biến đổi sắc tố da (02 × 01)cm, tỷ lệ 0,5%; Sây sát gôi trái để lại vết biến đổi sắc tố da (1.5 × 01)cm, tỷ lệ 0,5%; 02 vết sây sát dạng mảng gôi phải để lại vết biến đổi sắc tố da: vết 1 (02 × 01), tỷ lệ 0,5%, vết 02 (07 × 05)cm, tỷ lệ 0,5%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13% (do vật tày có cạnh gây nên).

- Ngô Thanh P, dấu hiệu chính qua giám định: Sây sát lưng phải, để lại vết biến đổi sắc tố da (07 × 04)cm, tỷ lệ 01%; bầm máu mặt trước ngoài 1/3 trên đến 1/3 giữa cánh tay trái, không thương tích tồn tại. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 01% (do vật tày gây nên).

Ngày 15/6/2023 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C ban hành các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn D1 và Mai Văn D về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Cáo trạng số: 137/CT-VKSCĐ-HS ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố các bị cáo Mai Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn D1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **D1**, **D** khai nhận đã có hành vi đánh nhau, gây thương tích cho nhau, đồng ý với các Kết luận giám định, ngoài ra **D** còn dùng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho **P** như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. **D1** và **D** đã bồi thường cho nhau, đều xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại **P** vắng mặt, yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo **Mai Văn D** về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và **Nguyễn Văn D1** về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **D** từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **D1** từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là các công cụ phương tiện phạm tội đã thu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc. Tiếp tục lưu trữ 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến sự việc **D1**, **D** đánh nhau gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **D1** đã bồi thường cho bị cáo **D** số tiền 10.000.000 đồng, **D** bồi thường cho **D1** 20.000.000 đồng; bị hại **P** không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn D1** trình bày bào chữa: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **D1** thấu tình đạt lý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo **D1** như nhất thời phạm tội, xuất thân thành

phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường xong về phần trách nhiệm dân sự; về nhân thân, bị cáo **D1** chưa có tiền án, tiền sự; có bà ngoại, bà nội đều là người có công cách mạng, được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất năm 2005 và năm 1994 Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu đã có ba người con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc; về sức khỏe, bị cáo **D1** do vết thương bị cáo cần phải điều trị tiếp tục, tại phiên tòa, bị cáo **D** cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo **D1** sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Sự vắng mặt của bị hại **P** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội

Đối chiếu lời nhận tội của bị cáo với các chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, đã được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định bị cáo **D** là người gây ra thương tích cho bị cáo **D1** tỷ lệ thương tích là 34% và bị hại **P** là 01%; bị cáo **D1** gây thương tích cho bị cáo **D** tỷ lệ 13% theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 356/22/TgT ngày 20/6/2022, số 212/22/TgT ngày 03/7/2022, số 357/22/TgT ngày 03/10/2022 của Trung tâm pháp y, **Sở Y**.

Cho nên hành vi của các bị cáo **Mai Văn D** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và **Nguyễn Văn**

D1 tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án, xét thấy, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì bản tính nóng nảy, mâu thuẫn nhỏ nhặt mà cố ý thực hiện hành vi đánh nhau, giải quyết mâu thuẫn bằng hung khí nguy hiểm. Các bị cáo phạm tội ngay tại địa bàn có khu du lịch **tâm linh Miếu bà Chúa Xứ N**, có rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch, gây bất bình, hoang mang trong dư luận, làm giảm hình ảnh đẹp về một đô thị văn minh, thân thiện, hiếu khách. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt thật tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo **D** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 5 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo **D** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thuộc thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, khắc phục xong hậu quả, được bị cáo **D1** xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo **D** có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51, nên đủ điều kiện áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 quyết định hình phạt dưới khung cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với bị cáo **D1** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Lẽ ra, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để bị cáo **D1** nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo **D1** là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, thành khẩn ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bản thân thuộc thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; trong vụ án các bị cáo **D**, **D1** cũng đồng thời là bị hại, đã bồi thường khắc phục hậu quả và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho nhau, bị cáo **D1** có người thân thích là liệt sĩ, có công với cách mạng nên cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng cho bị cáo **D1**. Đồng thời, quá trình tạm giữ, tạm giam, bị cáo **D1** không vi phạm nội quy, quy chế, quy định nơi giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/7/2023 đến nay là 06 tháng đã đủ để răn đe, giáo dục bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; việc cho bị cáo **D1** hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử nghĩ nên không cần buộc bị cáo **D1** phải chấp hành hình phạt tù tiếp mà cần tạo điều kiện cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo **D1**.

Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa là phù hợp và có căn cứ, được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[6] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

Đối với 01 cây dao, cán gỗ 11,5cm, rộng 1,5cm, lưỡi kim loại màu trắng dài 11,5cm, rộng 02cm, sắc bén một cạnh, mũi nhọn; 01 dụng cụ hốt rác kim loại màu trắng, phần tay cầm dài 79cm, đường kính 02cm, phần hốt rác kích thước (25,5 x 25,5)cm (hung khí do **Mai Văn D** sử dụng, giao nộp); 01 khúc gỗ (62 x 6,5 x 02)cm; 01 thanh kim loại (cán dùi), dài 102cm, đường kính 03cm, một đầu bị gỉ sét, một đầu được gắn ống nhựa màu trắng có van khóa để nối với ống nhỏ là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến sự việc **D1**, **D** đánh nhau gây thương tích tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Bị cáo **D1** đã bồi thường cho bị cáo **D** số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo **D** bồi thường cho bị cáo **D1** 20.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác; riêng bị hại **P** không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập xem xét giải quyết.

[8] Trường hợp bà **Lê Thị Trúc M** (vợ bị cáo **D1**), khi Dương cầm dao quơ về phía **D1**, **D1** kêu **M** đưa khúc gỗ, do sợ **D1** bị Dương cầm dao đâm nên **M** đưa khúc gỗ để **D1** tự vệ, không nhằm gây thương tích cho **D**; **Ngô Thanh P** có hành vi dùng thanh kim loại đánh **D** nhưng không gây thương tích, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự, giáo dục đối với **M**, xử phạt vi phạm hành chính đối với **P** là phù hợp.

[9] Các bị cáo **D**, **D1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn D1** và **Mai Văn D** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt **Mai Văn D** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2023.

[2] Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 65, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Xử phạt **Nguyễn Văn D1** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 04 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **Nguyễn Văn D1**, nếu bị cáo **Nguyễn Văn D1** không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3] Giao bị cáo **Nguyễn Văn D1** cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 đĩa DVD là vật chứng liên quan trong vụ án;

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây dao, cán gỗ 11,5cm, rộng 1,5cm, lưỡi kim loại màu trắng dài 11,5cm, rộng 02cm, sắc bén một cạnh, mũi nhọn; 01 dụng cụ hốt rác kim loại màu trắng, phần tay cầm dài 79cm, đường kính 02cm, phần hốt rác kích thước (25,5 x 25,5)cm; 01 khúc gỗ (62 x 6,5 x 02)cm; 01 thanh kim loại (cán dùi), dài 102cm, đường kính 03cm, một đầu bị gỉ sét, một đầu được gắn ống nhựa màu trắng có van khóa để nối với ống nhỏ;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Mai Văn D** và **Nguyễn Văn D1** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo

Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà

